

THƯ TỊCH CỔ VIẾT VỀ VŨ HÔN

NGUYỄN HỮU TÂM*

Trong các thư tịch cổ Việt Nam, như *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1)... chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy nguồn tư liệu chính viết về Vũ Hôn, mà các sách đưa ra đều có xuất xứ từ *Tân Đường thư* trong bộ *Nhị thập tứ sử* của Trung Quốc. Bộ sách được soạn dưới thời Tống Nhân tông, vua thứ tư của Bắc Tống Trung Quốc, ở ngôi được 42 năm (1022-1063). Trước khi trích dẫn nguyên văn phần viết về Vũ Hôn, chúng ta cùng nhau tìm hiểu sơ lược hoàn cảnh ra đời, nội dung khái quát cùng các tác giả của bộ sách, để có thể phần nào nhận thức được giá trị đích thực và độ tin cậy của các tư liệu được sử dụng trong bộ sách này.

Bộ sách *Đường thư* sau đổi gọi là *Cựu Đường thư* do Lưu Húc, Trương Chiêu Viễn biên soạn vào đời Hậu Tấn, hoàn thành năm Khai Vận thứ 2 (945), gồm 200 quyển viết về lịch sử đời Đường, từ Đường Thái tổ năm Vũ Đức thứ nhất (618) đến Đường Ai đế năm Thiên Hựu thứ 4 (907). Sau khi *Đường thư* ra đời, dư luận có ý kiến phê bình về cách biên soạn, sử liệu chưa được đầy đủ, nhiều chỗ sai lầm chưa được hiệu chỉnh tốt, đặc biệt phần viết về hậu kỳ đời Đường còn thiếu cần phải bổ sung. Bắt đầu

từ năm Khánh Lịch thứ 4 (1044), Tống Nhân tông ra lệnh cho Tống Kỳ, sau này là Âu Dương Tu chủ trì việc biên soạn lại *Đường thư*, sau 17 năm với sự tham gia của nhiều người, bộ sách với tên gọi *Tân Đường thư* được hoàn thành vào năm Gia Hựu thứ 5 (1060), (sau đó, để phân biệt với bộ sách này thì người đời thường gọi *Đường thư* thành *Cựu Đường thư*).

Bộ sách *Tân Đường thư* vẫn giữ nguyên cách biên soạn theo thể tài kỷ truyện của *Đường thư*, nhưng về nội dung cùng tư liệu được bổ sung, sửa chữa, rút gọn, cải tiến hơn nhiều. Toàn bộ sách gồm 225 quyển trong đó phần *Đế kỷ* 10 quyển, *Chí* 50 quyển, *Biểu* 15 quyển, *Liệt truyện* 150 quyển. Theo thống kê phần *Đế kỷ* của *Đường thư* chép tới hơn 300 nghìn chữ Hán, *Tân Đường thư* rút còn 90 nghìn chữ, tuy ngắn gọn nhưng thông tin được bổ sung trong đó lại nhiều hơn. *Tân Đường thư* cắt giảm 61 nhân vật trong phần *Liệt truyện*, song lại tăng thêm 331 nhân vật khác có nhiều liên quan tới lịch sử đời Đường. Bộ sách còn bổ sung thêm ba thiên phần *Chí*, bốn thiên phần *Biểu*.

Có thể nhận thấy những sự kiện lịch sử đời Đường, đặc biệt hậu kỳ đời Đường được chép trong *Tân Đường thư* đầy đủ hơn

* Th.S. Viện Sử học

Đường thư. Bộ *Tân Đường thư* biên soạn thêm phần *Bình chí*, *Tuyển cử chí*, *Nghi vệ chí*, đây là lần đầu tiên những phần Chí này được chính thức chép trong quốc sử Trung Quốc. Từ đời Tống trở về sau, lịch sử của các triều đại đều tiếp tục kế thừa phương thức biên soạn này. Âu Dương Tu cùng Tống Kỳ đã khôi phục lại truyền thống thiết lập phần *Biểu* trong bộ *Sử ký* của Tư Mã Thiên và bộ *Hán thư* của Ban Cố, xây dựng thêm 4 *Biểu* trong *Tân Đường thư* gồm: *Tể tướng*, *Phương trấn*, *Tôn thất thế hệ* và *Tể tướng thế hệ*. Việc lập 4 *Biểu* trên đã cung cấp nhiều tư liệu cần thiết để giúp cho người đọc dễ dàng tìm hiểu tình hình dựng đất, diên cách, phế lập cùng tên gọi và thời gian giữ quyền của các *Tể tướng*, nắm vững sự phát triển, tiêu vong, quá trình thống nhất, ly tán của các phiên trấn địa phương, diễn biến của các chi phái trong tôn thất... của đời Đường. Trong đó *Tể tướng thế hệ Biểu* nổi trội hơn cả, nó rất thuận tiện cho việc tra cứu thân thế, sự nghiệp của từng nhân vật. Phần *Biểu* của *Tân Đường thư* được bổ sung hơn 2000 sự kiện lịch sử, nguồn tư liệu phần lớn được chất lọc từ gia phả, bi ký, tiểu thuyết... đã qua thẩm định tương đối kỹ càng, những tư liệu của sấm ký, các truyện hoang đường, quái đản đều không chép vào.

Bộ sách từng được các học giả nhận định "sự kiện tăng hơn sách cũ, văn phong tinh giản hơn cựu sử", sách cũ và cựu sử đều chỉ bộ *Đường thư*.

Nhưng *Tân Đường thư* và *Đường thư* (*Cựu Đường thư*) đều có những sở trường và sở đoản riêng. Nếu như *Cựu Đường thư* vẫn bảo lưu được nhiều tư liệu nguyên thủy, thì *Tân Đường thư* lại phong phú hơn về tư liệu của đời Tống bổ sung cho *Cựu Đường thư*. Có thể nói giá trị của hai bộ sách sử *Tân*, *Cựu Đường thư* vô cùng quý

giá và luôn hỗ trợ cho nhau, cung cấp những sử liệu cần thiết để giới nghiên cứu có thể tìm hiểu lịch sử đời Đường (618 - 907) một cách đầy đủ, toàn diện.

Về các tác giả của *Tân Đường thư*, đầu tiên chúng ta phải nhắc đến Tống Kỳ (998 - 1061). Ông sinh tại Yên Lạc, Yên Châu đời Bắc Tống (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), tên tự là Tử Kinh, đỗ Tiến sĩ vào niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) đời vua Tống Nhân tông, từng thăng chức Hàn lâm Học sĩ. Năm Khánh Lịch thứ 4 (1044), Nhân tông ban chiếu thành lập *Đường thư cục* giao cho Tống Kỳ phụ trách, tiến hành biên soạn lại sách *Đường thư*, đồng thời ông còn kiêm nhiệm chức Tri châu. Do công việc quá nhiều, nên sau gần 10 năm Tống Kỳ vẫn chưa thể hoàn thành việc biên soạn lại bộ sách. Năm Chí Hoà thứ nhất (1054), triều đình nhà Tống quyết định cử Âu Dương Tu chủ trì biên soạn và phụ trách các phần *Bản kỷ*, *Chí*, *Biểu*, *Tống Kỳ* chuyên trách phần *Liệt truyện*. Năm Gia Hựu thứ 5 (1060) bộ sách được hoàn thành, trong đó phần *Liệt truyện* 150 quyển đều do Tống Kỳ biên soạn. Sau khi sách trình lên vua, ông được thăng chức Tả thừa, tiếp theo lại được giữ chức Thượng thư Bộ Công. Năm 1061, Tống Kỳ qua đời, hưởng thọ 63 tuổi, được ban tên thụy là Cảnh Văn.

Đồng Chủ biên của *Tân Đường thư* là Âu Dương Tu (1007-1072), người đất Lô Lăng, Cát Châu đời Tống (nay là Cát An, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc), tên tự là Vĩnh Thúc, tên hiệu là Tuý Ông, về già lại có hiệu là Lục Nhất cư sĩ. Ông sinh ra trong một gia đình nghèo túng, song rất hiếu học, có câu chuyện về việc hồi còn nhỏ ông từng dùng que vạch lên đất để luyện chữ. Năm Thiên Thánh thứ 8 đời Tống Nhân tông (1030), ông đỗ Tiến sĩ, sau đó nhiều năm ông giữ chức Tri châu, được

thăng chức Hàn lâm Học sĩ, rồi chức Khu mật Phó sứ, Tham Tri chính sự... Năm 1054, ông được vua Tống Nhân tông hạ chiếu cho phụ trách biên soạn lại *Đường thư*, sau 7 năm bộ sách được hoàn thành với tên gọi là *Tân Đường thư*. Âu Dương Tu chủ biên toàn bộ sách và biên soạn phần *Bản kỷ* 10 quyển, *Chí* 50 quyển, *Biểu* 15 quyển. Sau khi hoàn thành bộ sách, ông được thăng Thị lang Bộ Lễ kiêm Hàn Lâm viện Thị độc Học sĩ. Ông mất năm Hy Ninh thứ 5 (1072), hưởng thọ 65 tuổi, được ban tên thụy là Văn Trung. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, đặc biệt trên lĩnh vực văn học và sử học, được người đời ca tụng là một trong "*Đường Tống bát đại gia*" (2). Hậu thế thường nhắc tới Âu Dương Tu với tư cách tác giả của bộ *Tân Đường thư*, bởi họ Âu là người chủ trì biên soạn lần cuối trước khi bộ sách được công bố, nhưng thực chất *Tân Đường thư* được soạn bởi một tập thể những nhà bác học nổi tiếng đời Tống, trong đó phải kể đến Tống Kỳ người đã theo đuổi công việc từ khi bắt đầu tới khi bộ sách được hoàn thành, ngoài ra còn có Lưu Hy Văn, Mai Nghiêu Thần... Cho nên giới sử học Trung Quốc thường coi Tống Kỳ và Âu Dương Tu là Đồng Chủ biên *Tân Đường thư*.

Chúng tôi đã tìm trong *Cựu Đường thư*, kỷ Vũ tông, niên hiệu Hội Xương thứ ba, tháng 11, chỉ thấy chép duy nhất một sự kiện: Vua (Vũ tông) ban sắc lệnh cho bệ tôi tinh giảm số lượng các quan dư thừa nhiều trong triều và các địa phương (3). Như vậy phần viết về Vũ Hồn trong *Tân Đường thư* là do các học giả đời Tống sưu tầm, chọn lựa chép thêm vào, mà ở đây công lao chính thuộc về Âu Dương Tu, người đã biên soạn toàn bộ phần *Kỷ* của *Tân Đường thư*.

Trở lại với phần viết về Vũ Hồn trong *Tân Đường thư* 8, Bản kỷ 8, tờ 9b và tờ 10a, nguyên văn: 三年...十一月...安兩軍亂逐其經略使武渾 (4), phiên âm như sau: (*Hội Xương*) tam niên ... Thập nhất nguyệt t ... An Nam quân loạn trục kỳ Kinh lược sứ Vũ Hồn.

Dịch nghĩa: (*Hội Xương*) năm thứ ba (843) ... Tháng 11 ... loạn quân An Nam đuổi Vũ Hồn, Kinh lược sứ (của vùng đất đó).

Theo những tư liệu của *Tân Đường thư* mà chúng tôi thu nhận được, thì chỉ có thông tin: *Kinh lược sứ An Nam là Vũ Hồn bị loạn quân đuổi trong năm Hội Xương thứ 3 đời vua Đường Vũ tông (843)*. Chúng tôi dựa vào lịch đối chiếu giữa dương lịch và nông lịch Trung Quốc, biết rằng ngày 1 tháng 11 năm Hội Xương thứ 3 tức năm Quý Hợi, là tháng đủ 30 ngày, bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 843 và kết thúc là ngày 24 tháng 12 năm 843 (5). *Tân Đường thư* chỉ chép sự kiện diễn ra vào tháng 11 mà không chép ngày cụ thể nên chúng ta chỉ có thể nêu chung loạn quân đuổi Kinh lược sứ Vũ Hồn vào cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 843.

Nhưng từ những chỉ dẫn ít ỏi trên cũng đủ để cho phép chúng ta khẳng định: Có một nhân vật lịch sử tên là Vũ Hồn đã hiện diện trong đời Đường Vũ tông (841-846), từng nhậm chức làm quan tới Kinh lược sứ ở Việt Nam, bị loạn quân đuổi vào cuối năm 843. Còn việc các bộ chính sử của Việt Nam như *Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư)* và sau này là *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục (Cương mục)*, ghi chép nhiều hơn về Vũ Hồn và có nhiều khác biệt so với *Tân Đường thư* thì cần phải tiếp cận theo hướng nghiên cứu khác. Đầu tiên, chúng ta cùng nhau tìm hiểu những tư liệu được phản ánh trong các bộ tư sử của Việt Nam trước khi xuất hiện bộ *Toàn thư*.

Bộ sách *Việt sử lược* khuyết danh, ra đời khoảng cuối nhà Trần, được lưu giữ tại *Tứ khố toàn thư tổng mục* để yếu của Trung Quốc. Năm 1993, bộ *Việt sử lược* được dịch giả Nguyễn Gia Tường cho ra mắt bạn đọc với nhan đề *Đại Việt sử lược*, phần viết về Vũ Hồn như sau: *Wũ Hồn, người thời Vũ Tông (841-846) nhà Đường*. Dịch giả có chú thích: Đường Vũ tông tên là Triễn, con của vua Mục tông ở ngôi được 6 năm (6). Chúng tôi căn cứ vào bản dịch *Việt sử lược* được công bố vào năm 1960, cũng chỉ đưa ra thông tin: *Wũ Hồn, người đời Vũ tông (841-846)*. Phần chú thích của bản dịch này rất đáng chú ý: *Wũ Hồn làm Kinh lược sứ An Nam, đến nơi bắt tướng sĩ sửa phủ thành, quân lính nổi dậy cướp kho đạn (843), Vũ Hồn phải chạy về châu Quảng. Giám quân Đoàn Sĩ Tắc chiêu dụ bọn quân loạn*. Dịch giả để rõ xuất xứ từ *Tân Đường thư q.8, tờ 9a (7)*. Chúng tôi đã tra *Tân Đường thư* chỉ thu được 16 chữ Hán viết về Vũ Hồn chép tại *Bản kỷ 8, tờ 9b và tờ 10a* như đã dẫn ở trên. Phải chăng những tư liệu chép về Vũ Hồn như: *bắt tướng sĩ sửa phủ thành... chạy về châu Quảng... chiêu dụ bọn quân loạn... dịch giả dựa vào ghi chép của Toàn thư và Cương mục* để chú thích (8)? *Cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn chỉ chép chung vào "năm Tân Dậu (841), Nhà Đường dùng Vũ Hồn làm Kinh lược sứ. Vũ Hồn đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành, quân lính ở phủ Đô hộ lại khởi loạn, đốt lầu thành cướp kho đạn. Vũ Hồn phải chạy về Quảng Châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc dẹp yên đám quân lính làm loạn. Giao Châu mới được yên" (9). *Toàn thư* trong phần *Ngoại kỷ quyển V* chép: "*Tân Dậu [841], (Đường Vũ tông Viêm, Hội Xương năm thứ 1). Vua Đường xuống chiếu lấy Vũ Hồn làm Kinh lược sứ thay Hàn Ước*", ngay đoạn tiếp sau *Toàn thư* chép:

"*Quý Hợi [843], (Đường Hội Xương năm thứ 3). Kinh lược sứ Vũ Hồn bắt tướng sĩ đắp sửa thành phủ, tướng sĩ làm loạn, đốt lầu thành, cướp kho phủ. Hồn chạy về Quảng Châu. Giám quân là Đoàn Sĩ Tắc vỗ yên được quân làm loạn*" (10). Chúng ta nhận thấy giữa hai bộ sách đã có những xuất nhập: *Toàn thư* xác định năm Vũ Hồn nhậm chức Kinh lược sứ vào năm 841, và đến năm 843 xảy ra sự kiện Vũ Hồn bắt tướng sĩ đắp sửa phủ thành, tướng sĩ làm loạn, đốt lầu thành cướp kho... và *Cương mục* chỉ chép vào năm 841 Vũ Hồn nhậm chức, sau đó diễn ra sự kiện đã dẫn mà không ghi rõ vào năm nào. Mặt khác, *Toàn thư* chép là "tướng sĩ làm loạn", *Cương mục* lại chép "quân lính ở phủ Đô hộ lại khởi loạn".

Bộ sách *An Nam chí lược* do Lê Tắc biên soạn khoảng vào những năm đầu thế kỷ XIV phần chép về Vũ Hồn:

Nguyên văn: 武澤為安南經略, 會昌三年為亂軍所逐 (11).

Phiên âm: Vũ Hồn vì An Nam kinh lược, Hội Xương tam niên vì loạn quân sở trục.

Dịch nghĩa: Vũ Hồn làm Kinh lược An Nam, năm Hội Xương thứ 3 (843) bị loạn quân đuổi.

So với tư liệu ghi trong *Tân Đường thư*, có thể đoán định Lê Tắc khi cư trú tại Trung Quốc từng tham khảo Bắc sử, đã chép lại đúng nội dung của *Tân Đường thư*, chỉ có điều ngữ pháp sử dụng trong *An Nam chí lược* gần gũi cách viết của người Việt Nam. Tóm lại, theo những ghi chép của các bộ tư sử ra đời vào thế kỷ XIV đầu XV, đặc biệt ghi chép của *An Nam chí lược* chỉ cung cấp thông tin: *Wũ Hồn làm Kinh lược sứ An Nam, bị loạn quân đuổi vào năm 843*, tức là nhắc lại sử liệu đã được ghi trong bộ *Tân Đường thư*.

Vì sao đến những thập niên 80 của thế kỷ XV, theo lệnh của Vua Lê Thánh Tông, nhà sử học Ngô Sĩ Liên viết bộ quốc sử *Toàn thư* và được các sử gia khác tiếp tục bổ sung vào các thế kỷ sau, đã giành những dòng ghi chép kỹ hơn về Vũ Hồn? Phần viết về Vũ Hồn lại được chính thức ghi trong quốc sử như đã trích dẫn ở trên? Điều này có thể giải thích được khi chúng ta tìm hiểu về thời điểm xuất hiện gia phả họ Vũ ở Mộ Trạch cùng tình hình biên soạn quốc sử đời Lê.

Vũ Phương Đề trong cuốn sách *Công dư tiếp ký*, phần *Thế gia* khi chép về họ Vũ ở Mộ Trạch có cung cấp thông tin: Đời vua Trần Minh Tông nhà Trần (1314-1329), Nghiêu Tá và em là Nông (theo gia phả chép là Hán Bi) cùng thi. Hai anh em nổi tiếng là hay chữ và làm quan tới chức Nhập thị Hành khiển Tả Bộc xạ (12). Các ông bắt đầu tìm tòi tông phái, liệt kê thế thứ, khoa danh và tước trật. Từ đó mới có tài liệu để khảo cứu (13)... Như vậy, vào đầu thế kỷ XIV, họ Vũ ở Mộ Trạch bắt đầu có gia phả, cho đến thế kỷ XVIII, những năm 1767-1769, hậu duệ họ Vũ là Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải còn có cơ hội dựa vào những phần còn lại như *Tông phái đồ* trong gia phả thế kỷ XIV của anh em Vũ Nghiêu Tá, Vũ Hán Bi để biên soạn *Mộ Trạch Vũ tộc thế hệ sự tích*. Qua những thông tin chất lọc được, chúng ta có thể khẳng định: Họ Vũ ở Mộ Trạch biên soạn gia phả vào những thập niên đầu thế kỷ XIV và gia phả họ Vũ là một trong những bản gia phả ra đời sớm nhất tại Việt Nam. Mặt khác do ý thức giữ gìn bảo mật của toàn thể tộc họ Vũ ở Mộ Trạch và cũng có phần nào do duyên may của lịch sử mà gia phả họ Vũ thoát khỏi nạn binh hoả, tránh được sự triệt hạ văn hoá tàn khốc do Minh Thành tổ tiến hành khi xâm lược Việt Nam vào đầu thế kỷ XV. Sử gia Ngô Sĩ Liên đã từng chỉ rõ tội ác giặc Minh đối với nền văn hoá dân tộc nước ta như sau "...

Giáo mác đầy đường, đầu chẳng bọn giặc cuồng Minh: sách vở cả nước đều thành tro tàn tại ương".

Chúng ta đều biết năm 1479, Lê Thánh Tông "*sai sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn Đại Việt sử ký toàn thư 15 quyển*". Chính vị vua tài giỏi sáng suốt với nhãn quan sâu sắc về ý thức độc lập quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và văn hiến dân tộc đã sớm chuẩn bị việc biên soạn quốc sử. Trong 38 năm nắm giữ vương quyền, Lê Thánh Tông đã hai lần hạ chiếu cho quần thần sưu tập tư liệu trong dân gian. Điều này đã được hai sử gia là Ngô Sĩ Liên và Lê Quý Đôn phản ánh trong các công trình sử học của mình. Trong Bài tựa sách *Toàn thư*, Ngô Sĩ Liên chép: "*Khoảng năm Quang Thuận (1460-1469) xuống chiếu tìm kiếm dã sử và các truyện ký xưa nay do các tư nhân cất giữ đều ra lệnh dâng lên để có sẵn tham khảo*" (14). Sách *Đại Việt thông sử* (hay *Lê triều thông sử*) của sử gia họ Lê viết: "*Vua Thánh Tông [1460-1497] ham thích sách vở: hồi đầu năm Quang Thuận [1460-1469], hạ chiếu tìm tòi các dã sử, thu thập truyện ký cổ kim còn chứa ở các nhà riêng hạ lệnh cho đem dâng lên tất cả. Khoảng năm Hồng Đức [1470-1497] nhà vua lại hạ chiếu cầu những sách còn sót lại đem chữa cất ở Bí các*". Sử gia họ Lê còn cho biết: trong dịp này nhiều người đưa ra cả sách quý, hiếm lạ, ngay cả những sách bí truyền cũng đều được khen thưởng. Vì vậy "... *Những sách của đời trước cũng dần dần được đưa ra*" (15). Tất cả những điều trên là minh chứng cho sự nỗ lực vì công việc biên soạn quốc sử của Lê Thánh Tông cùng những sử thần dưới triều Lê. Công việc này được sự hợp tác nhiệt tình tràn đầy ý thức bảo tồn truyền thống văn hoá dân tộc của nhiều tầng lớp nhân dân tại các vùng miền khác nhau của đất nước. Việc viết quốc sử là một sự kế thừa có chọn lọc các bộ sử của

tiên triều, cộng với sự tìm tòi phát hiện sử liệu mới trong các nguồn tư liệu dân gian và sự sáng tạo của người biên soạn... Chính vì vậy trong phần Phàm lệ, việc biên soạn sách *Toàn thư* đã được các Sử thần triều Lê giải thích khá cụ thể: "*Sách này làm ra gốc ở hai bộ Đại Việt Sử ký của Lê Văn Hưu và của Phan Phu Tiên, tham khảo thêm Bắc sử, dã sử, các bản truyện chí và những việc nghe thấy truyền lại, rồi khảo đính biên tập mà thành*" (16). Như vậy, công việc biên soạn quốc sử ngay từ đầu đã xác định được một hướng bổ sung tư liệu quan trọng là thu thập, xử lý những tư liệu thành văn và truyền khẩu trong nhân dân tại các địa phương trong cả nước.

Theo ước đoán chủ quan và dựa vào tình hình thực tế việc viết quốc sử dưới thời Lê, chúng tôi cho rằng gia phả của họ Vũ ở Mộ Trạch có lẽ đã được thu thập trong những đợt sưu tầm tư liệu thời Lê Thánh Tông. Điều này phù hợp với chủ trương chung của triều đình đời Lê và hơn nữa vùng Hải Đông ở thế kỷ XV là nơi phát triển mạnh mẽ về các mặt kinh tế và khoa cử. Làng Mộ Trạch của xứ Đông xưa nổi tiếng là "Tiến sĩ sào", nhiều người đỗ đạt thành danh trong chốn khoa trường và quan trường. Mà anh em Vũ Nghiêu Tá và Vũ Nông đều thi đỗ, nổi tiếng văn học, giữ trọng trách trong triều Trần, chắc chắn có ảnh hưởng không nhỏ đến việc hiển dương dòng họ Vũ. Cho nên những bề tôi của triều Lê trong quá trình tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập sử liệu không thể bỏ qua vùng đất Hải Đông nói chung và làng Mộ Trạch nói riêng được. Dân làng Mộ Trạch, trong đó có con cháu họ Vũ cũng sẵn sàng cung cấp những tư liệu quý hiếm, kể cả bản gia phả của dòng họ mình. Sau khi sưu tầm về, các sử gia triều Lê phải lao tâm khổ tứ, thẩm định, lựa chọn, đối chiếu rồi mới dám hạ bút viết lên những dòng sử lưu truyền hậu thế.

Việc biên soạn quốc sử cũng được các vua triều Nguyễn quan tâm, đặc biệt vua Tự Đức đã lệnh cho các sử thần phải sớm hoàn thành bộ quốc sử. Ông từng nói: "*Nếu bộ Việt sử (tức bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục - NHT) chưa làm xong là một khuyết điểm của thời thịnh trị*". Tiếp sau, Tự Đức "*hạ lệnh cho nho thần, tìm rộng cả dã sử tàng trữ ở nhà tư, tham khảo với sử chép việc nước ngoài của Trung Quốc*" (17). Bộ *Cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn đã kế thừa có phê phán những ghi chép của các bộ sử trước đặc biệt là bộ *Toàn thư*. Các sử thần triều Nguyễn trong phần cần án sau khi tham bác các tài liệu, trong đó chủ yếu là phần Liệt truyện trong bộ *Đường thư* đã đưa ra một cải chính theo chúng tôi là hợp lý và chính xác: người tiên nhiệm của Vũ Hồn phải là Mã Thực chứ không phải Hàn Ước (18). Điều này cũng được các nhà học giả Trung Quốc khảo cứu và khẳng định trong những công bố nghiên cứu gần đây. Phần "*Khảo về các Thú sử đời Đường (Đường Thú sử khảo)*" của tác giả Uất Hiền Hạo dựa vào ghi chép của *Cựu Đường thư, Tân Đường thư, Tư trị thông giám, Toàn Đường thư* và nhiều minh văn khắc trên bia, miếu mộ... đưa ra số liệu thống kê họ tên các Thú sử cùng thời gian trị vì tại An Nam Đô hộ phủ đã chép rõ: Mã Thực (từ năm Khai Thành thứ nhất đến năm Khai Thành thứ 5 (836 - 840), tiếp sau đó chép tới Vũ Hồn (năm Hội Xương thứ 3 (843) (19).

Với những phần ghi chép thêm về Vũ Hồn tuy vẫn chưa được đầy đủ trong chính sử, song cũng giúp chúng ta ngày nay có thể hiểu thêm phần nào hành trạng của một vị Kinh lược sứ sống vào thế kỷ IX. Kết hợp giữa ghi chép trong các bộ sách và nghiên cứu của cả Trung Quốc và Việt Nam, chúng ta có thể đưa ra một kết luận: Vũ Hồn giữ chức Kinh lược sứ tại Việt Nam từ năm 841

đến năm 843. Đồng thời chúng ta cũng ghi nhận sự đóng góp tích cực, bổ sung của gia phả họ Vũ Mộ Trạch cho phần khiếm khuyết trong quốc sử. Vì vậy chúng ta càng

trân trọng hơn đối với các di sản văn hoá của tiền nhân để lại, kính trọng hơn ý thức tôn vinh dòng họ mà trong đó họ Vũ ở Mộ Trạch xứng đáng là một dòng họ tiêu biểu.

CHÚ THÍCH

(1). Để tránh lặp lại nhiều trong khi trích dẫn, chúng tôi xin viết tắt *Toàn thư* để chỉ bộ *Đại Việt sử kí toàn thư*, và *Cương mục* để chỉ bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (NHT).

(2). Đồi Tống có 2 người là: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, đồi Đường có 6 người là: Âu Dương Tu, Tô Tuấn, Tô Thức (tức Tô Đông Pha), Tô Triệt, Tăng Củng và Vương An Thạch gộp lại thành *Đường Tống bát đại gia*.

(3). *Nhị thập ngũ sử, Cựu Đường thư, Bản kỷ đệ thập bát (Thượng), Vũ tông kỷ*; Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, Thượng Hải, 1987, tr. 3557.

(4). Chúng tôi sử dụng bộ *Nhị thập tứ sử, Súc án bách nạp bản, Tân Đường thư, Bản kỷ đệ bát, Vũ tông kỷ*, tờ 9a và 10b; Thương vụ ấn thư quán xuất bản, Bắc Kinh, 1958. Chúng tôi còn đối chiếu với *Nhị thập ngũ sử, Tân Đường thư, Đường thư quyển 8, Bản kỷ đệ bát, Vũ tông kỷ* (Sdd), tr. 4517. Phần chép về Vũ Hồn trong cả hai bộ đều hoàn toàn giống nhau và chỉ có 16 chữ Hán như đã trích dẫn.

(5). *Lưỡng thiên niên Trung Tây lịch đối chiếu biểu*. Tiết Trọng Tam, Âu Dương Di hợp biên; Sinh hoạt - Độc thư - Tam Liên thư điểm, Bắc Kinh, 1956, tr. 169 (Trung văn).

(6). *Đại Việt sử lược*, Người dịch: Nguyễn Gia Tường, người hiệu đính: Nguyễn Khắc Thuần, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Bộ môn Châu Á học Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 64.

(7). *Việt Sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960, tr. 34. Sách *Việt Sử lược* đến năm 2005 lại được tái bản, bổ sung thêm phần nguyên bản chữ Hán, phần viết và chú thích về Vũ Hồn vẫn giữ nguyên như bản năm 1960. Xem *Việt Sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, Đinh Khắc Thuần đối chiếu, chỉnh lí, Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr. 34, 44.

(8). *Đại Việt sử ký toàn thư*. T.I; Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 184-185. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 199.

(9). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sdd, tr. 199.

(10), (14), (16). *Đại Việt sử ký toàn thư*. T.I, sdd, tr. 184-185, 100, 83.

(11). *An Nam chí lược*. [Việt] Lê Tác soạn, Vũ Thượng Thanh điểm hiệu; Trung Hoa thư cục, Tùng thư sử tịch giao thông Trung ngoại; Bắc Kinh. 1995, tr. 226 (Trung văn).

(12). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, niên hiệu Khai Thái thứ 6 đời vua Trần Minh Tông (1329): "Lấy Vũ Nghiêu Tá làm Nhập Nội hành khiển Môn hạ hữu ty Lang trung. Nghiêu Tá (người Hồng Châu), với em là Nông, đều đỗ cùng một khoa hồi Thượng hoàng (chỉ Trần Anh tông-NHT) còn ở ngôi vua. Anh em đều nổi tiếng văn học. Nghiêu Tá làm Hành khiển Đồng tri Nội mật viện sự. Đến nay trao chức này" Trích từ *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 116. Như vậy Vũ Nghiêu Tá được trao chức *Nhập nội hành khiển Môn hạ hữu ty Lang trung* chứ không phải là Nhập thị Tá bộc xạ như Vũ Phương Đề chép.

(13). *Công dư tiếp ký*, Vũ Phương Đề. Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 15.

(15). *Lê Quý Đôn toàn tập*. Tập III: *Đại Việt thông sử*. Ngô Thế Long dịch, Văn Tân hiệu đính. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 101.

(17), (18). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.I, sdd, tr. 54, 198.

(19). Uất Hiên Hạo: "*Đường Thứ sử khảo*", Giang Tô cổ tịch xuất bản xã, năm 1987, tr. 2894-2912. Dẫn theo Ô Tiểu Hoa, Lý Đại Long "*Mấy vấn đề liên quan tới An Nam đô hộ phủ*" đăng trên Tạp chí "*Nghiên cứu sử địa biên cương Trung Quốc*", số 2 năm 2003, tr. 27-38 (Trung văn).